

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2023/DS-ST

Ngày: 12-4-2023

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Vũ Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2023/TLST-TCDS ngày 04 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-TCDS ngày 06 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST-TCDS ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng V; địa chỉ: Số 89 L, phường L1, quận Đ, thành phố Hà Nội. (Gọi tắt là V).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức danh: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Chức danh: PGĐ Trung tâm xử lý nợ pháp lý (Theo Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Anh Bùi Minh T - Chuyên viên xử lý nợ (Theo Văn bản ủy quyền số 11356/2023/UQ-LCC KHCN MB 01 ngày 30/3/2023). “vắng mặt có lý do”

Bị đơn: Vợ chồng anh Trần Văn T1, sinh năm 1996 và chị Nguyễn Thị Tô U, sinh năm 1997; cùng địa chỉ: Xóm 5, xã A (Xóm 4, xã A cũ), huyện H, tỉnh Nam Định. “vắng mặt không lý do”

Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm 5, xã A, huyện H, tỉnh Nam Định. “vắng mặt có lý do”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là Ngân hàng V đại diện theo ủy quyền lại là ông Bùi Minh T trình bày:*

Vào các ngày 10/6/2019, ngày 17/03/2020; ngày 19/11/2020 vợ chồng anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị Tô U ký kết với Ngân hàng V chi nhánh Nam Định 03 Hợp đồng tín dụng vay vốn số tiền 666.000.000đ. Vợ chồng anh T1, chị U có thể chấp cho ngân hàng V để đảm bảo cho khoản vay là một xe ô tô mới 100% nhãn hiệu KIA SORENTO 2.2 DATH thuộc quyền sở hữu của anh T1, chị U.

Cụ thể: Ngày 10/6/2019 Ngân hàng V chi nhánh Nam Định có ký hợp đồng tín dụng vay vốn kèm hợp đồng thế chấp số LN1906031430717 cho vợ chồng anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị Tô U vay số tiền 559,000,000 đồng (Năm trăm năm mươi chín triệu đồng); Ngày giải ngân 11/6/2019. Thời hạn vay: 72 tháng; Mục đích sử dụng vốn: thanh toán tiền mua xe ô tô mới 100% nhãn hiệu KIA SORENTO 2.2 DATH, sản xuất 2019 phục vụ nhu cầu đi lại cá nhân; Lãi suất trong hạn: 6,9%/ năm; là mức lãi suất ưu đãi được cố định trong vòng 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 06 tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ 01 lần; ngày điều chỉnh đầu tiên là ngày 11/09/2019 biên độ: 1,5%/ năm; từ ngày 11/12/2019 biên độ 3%/ năm.

Ngày 17/03/2020 Ngân hàng V cho vợ chồng anh T1, chị U vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số LD2007700050 Số tiền vay: 47,000,000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng); thời hạn vay: 36 tháng; mục đích sử dụng vốn: vay tiêu dùng; Lãi suất trong hạn: 20%/ năm.

Ngày 19/11/2020 Ngân hàng V cho vợ chồng anh T1, chị U vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số LD2032400281: Số tiền vay: 60,000,000 đồng (Sáu mươi triệu đồng); thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích sử dụng vốn: vay tiêu dùng; Lãi suất trong hạn: 20%/ năm.

Để đảm bảo cho khoản vay, vợ chồng anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị Tô U đã thế chấp tài sản là 01 xe ô tô con, nhãn hiệu Kia Sorento 2.2 DATH; Số khung RNYXH52A6KC153691; Số máy D4HBJH005461; BKS: 18A – 153.29; thuộc quyền sở hữu/ sử dụng của ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị Tô U.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị Tố U đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V kể từ ngày 01/03/2022. Tính đến ngày 12- 4- 2022 anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị Tố U đã trả được một phần tiền và còn lại tổng số tiền là 725.965.852 đồng; cụ thể:

Hợp đồng LN 1906031430717 anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị Tố U đã trả nợ gốc 141.414.000 đồng, gốc còn phải trả là 417.586.000 đồng, lãi phải trả là 140.146.740 đồng, phạt lãi chậm trả là 16.316.081 đồng.

Hợp đồng LD 2032400281 anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị Tố U đã trả gốc là 5.357.744 đồng, gốc còn phải trả là 54.642.256 đồng, lãi phải trả là 33.820.422 đồng, phạt lãi chậm trả là 6.567.223 đồng.

Hợp đồng số LD2007700050, anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị Tố U đã trả số tiền nợ gốc là 14.049.298 đồng, gốc còn phải trả là 32.950.702 đồng, lãi phải trả là 20.401.401, phạt lãi chậm trả là 3.535.028 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, đôn đốc nhắc trả nợ nhưng vợ chồng anh Trần Văn T1, chị Nguyễn Thị Tố U vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả các khoản nợ nêu trên.

Vì vậy Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Trần Văn T1, chị Nguyễn Thị Tố U phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng V 03 khoản vay theo 03 Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 12-4-2023 với tổng số tiền nợ là 725.965.852 đồng (trong đó nợ gốc là 505.178.958đ; lãi phải trả là 194.368.563đ; phạt lãi chậm trả là 26.418.331đ) và yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị Tố U thực tế thanh toán hết nợ cho ngân hàng V. Trường hợp bị đơn anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị Tố U không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng V có quyền tự bán tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án cưỡng chế, kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho V, là: 01 xe ô tô con, nhãn hiệu Kia Sorento 2.2 DATH; Số khung RNYXH52A6KC153691; Số máy D4HBJH005461; BKS: 18A – 153.29; thuộc quyền sở hữu/ sử dụng của ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị Tố U. V được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị Tố U để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo Bản án của Tòa án cho đến khi anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị Tố U trả hết nợ với V.

* Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã giao Thông báo về việc thụ lý vụ án số 01/TB-TLVA ngày 04/01/2023 hợp lệ cho anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị Tố U và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh T1, chị U không đến Tòa án làm việc, không đưa ra lý do của sự vắng mặt và không gửi các văn bản trình bày ý của mình về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Ngày 06/3/2023 Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra

xét xử và đã thông báo cho vợ chồng anh T1, chị U, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt, không có lý do.

Người làm chứng - bà Nguyễn Thị D1 là mẹ đẻ anh T1 khai nhận: Anh T1, chị U đã biết việc V khởi kiện vợ chồng anh chị tại Tòa án nhân dân huyện H thông qua việc nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án. Anh T1, chị U có hộ khẩu thường trú tại xóm 5, xã A và thỉnh thoảng vẫn liên lạc về cho gia đình. Tuy nhiên do đặc thù công việc nên không sắp xếp thời gian về Tòa án làm việc được. Theo bà D1, vợ chồng anh T1 chị U có vay nợ để làm ăn kinh doanh nhưng vay mượn những ai, bao nhiêu, cụ thể thế nào bà không được biết. Nay Ngân hàng khởi kiện anh chị, bà D1 trình bày như trên và xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên xét xử của Tòa án. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án, xác minh tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tổng đạt các quyết định tố tụng khác. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại các Điều 98, 170, 171, 175, 177, 220 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 BLTTDS như cung cấp chứng cứ, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên bị đơn không đến Tòa án làm việc là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 292, 295, 299, 318, 319, 320, 322, 385, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức Tín dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V— chi nhánh Nam Định. Buộc anh T1, chị U phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 505.178.958đ và lãi theo quy định pháp luật. Anh T1, chị U có nghĩa vụ thanh toán tiếp phần nợ lãi, lãi quá hạn cho đến khi tất toán xong T1 bộ khoản nợ.

Trường hợp bị đơn anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị Tố U không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không thu hồi đủ nợ thì anh T1, chị U có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng V chi nhánh Nam Định đến khi thực hiện xong nghĩa vụ. Các vấn đề khác đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên Tòa, nguyên đơn là Ngân hàng V vắng mặt có lý do; Bị đơn vợ chồng anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị Tố U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ 02, nhưng vắng mặt không có lý do; người làm chứng là bà Nguyễn Thị D1 xin vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị Tố U ký Hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng để mua 01 xe ô tô, nhãn hiệu Kia Sorento 2.2 DATH; Số khung RNYXH52A6KC153691; Số máy D4HBJH005461; BKS: 18A – 153.29 và Hợp đồng vay online đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định.

[3] Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc vợ chồng anh T1, chị U phải trả số tiền gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số LN 1906031430717 ngày 11-6-2019 số tiền vay gốc và lãi là 574.048.821đ để mua ô tô. Ngân hàng đã giải ngân cho anh T1, chị U đủ số tiền như trong hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ thể hiện qua chứng từ Ủy nhiệm chi ngày 11/6/2019 có chữ ký của anh T1. Đối với hai Hợp đồng vay tiền Online số LD2007700050, số tiền 56.887.130 đồng và LD2032400281 số tiền 95.029.901 đồng, Ngân hàng giao nộp hai bản sao Hợp đồng đảm bảo hình thức và nội dung hợp đồng, được pháp luật cho phép, Hợp đồng có chữ ký điện tử của bị đơn. Tài liệu V giao nộp thể hiện việc anh T1, chị U có thực hiện nghĩa vụ đối với hai khoản vay này. Như vậy, Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ và đúng hạn, đúng mục đích cho bên vay nhưng sau đó bên vay là anh T1, chị U đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã đôn đốc trả nợ nhiều lần nhưng anh chị không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Xét hợp đồng tín dụng được ký giữa Ngân hàng V và bị đơn là anh anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị Tố U có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực và ràng buộc quyền, nghĩa vụ đối với các bên. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T1, chị U đã được Tòa án giao các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc vay nợ nhưng không đến Tòa án làm việc là từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Mặt khác, việc vay nợ của anh T1, chị U được chứng minh bằng Hợp đồng tín dụng, kèm khế ước nhận nợ và quá trình thanh toán tiền cho Ngân hàng. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị đơn đã vi phạm các

điều khoản cam kết trong Hợp đồng tín dụng, chậm thanh toán các khoản gốc và lãi đến hạn là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 463, 465 và 466 Bộ luật dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh T1, chị U phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền đã vay của Ngân hàng 725.965.852 đồng.

- Xét yêu cầu của Ngân hàng V đề nghị phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì thấy: Để đảm bảo cho khoản vay anh T1 chị U đã ký Hợp đồng cho vay kèm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1906031430717 ngày 10/6/2019, tài sản thế chấp là 01 xe ô tô, nhãn hiệu Kia Sorento 2.2 DATH; Số khung RNYXH52A6KC153691; Số máy D4HBJH005461; BKS: 18A – 153. Xét hợp đồng thế chấp tài sản được ký giữa chủ tài sản với Ngân hàng, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực và có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 317, 318, 463, 465 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị Tố U.

Buộc anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị Tố U phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 12/04/2023 tổng số tiền là 725.965.852 đồng (trong đó nợ gốc là 505.178.958đ; lãi phải trả là 194.368.563đ; phạt lãi chậm trả là 26.418.331đ).

2. Buộc anh T1, chị U có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 13-4-2023 cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho V.

Trường hợp bị đơn anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị Tố U không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không thu hồi đủ nợ thì anh T1, chị U có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng V chi nhánh Nam Định đến khi thực hiện xong nghĩa vụ.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc vợ chồng anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị Tố U phải nộp 33.038.634 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng V được nhận lại số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai số 0006531 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự nguyên đơn, người phải thi hành án dân sự bị đơn có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện + tỉnh: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện H: 01 bản;
- UBND xã A: 01 bản;
- Đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hằng